

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ CHÂU ÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ CHÂU ÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EUROPE MATERIALS AND TECHNOLOGY EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EUROTECHCORP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108832099

3. Ngày thành lập: 22/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 192/8 đường Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn văn phòng phẩm	4649
5.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
6.	Đại lý du lịch	7911
7.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
8.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9.	In ấn	1811
10.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4511
13.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4530
15.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4541
16.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4543
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
20.	Khai thác quặng sắt	0710
21.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
25.	Khai thác và thu gom than non	0520
26.	Khai thác dầu thô	0610
27.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
28.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
29.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình thủy	4291
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
42.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;	7730

44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320(Chính)
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
48.	Phá dỡ	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
54.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
59.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
60.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
61.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
62.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
63.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
64.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
65.	Thu gom rác thải độc hại	3812
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
70.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
71.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
72.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
73.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420

74.	Đúc sắt, thép	2431
75.	Đúc kim loại màu (không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2432
76.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
77.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
78.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
79.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
80.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
81.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
82.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
83.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
84.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
85.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
86.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
87.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
88.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
89.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
90.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
91.	Sản xuất máy luyện kim	2823
92.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
93.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
94.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
95.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU NGHĨA	Thôn 3, Xã Trùng Trung, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	4.750.000.000	95,000	171607758	

2	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Số nhà 168, Phường Tào Xuyên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	250.000.000	5,000	172758283	
---	----------------------------	--	-------------	-------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NGHĨA

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/06/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *171607758*

Ngày cấp: *02/05/2014*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 3, Xã Trùng Trung, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 192/8 đường Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội